

CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TRONG NÔNG NGHIỆP

Ths. Võ Thị Hồng Hạnh, PGS.TS. Đặng Văn Thắng

Đại học Kinh tế Quốc dân

Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp của Việt Nam đạt mức tăng trưởng khá trong giai đoạn 2001-2010; đạt bình quân trên 5%/năm. Tuy nhiên, về bản chất, mô hình tăng trưởng nông nghiệp theo chiều rộng của Việt Nam giai đoạn 2001- 2010 vẫn là mô hình tăng trưởng chất lượng thấp, kém hiệu quả và để đạt được sự tăng trưởng đó, có khi chúng ta phải trả giá đắt vì đã khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên dẫn tới ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học và hệ sinh thái, đe dọa an ninh lương thực... Vì vậy, đặt ra vấn đề cần phải chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế trong nông nghiệp: từ chủ yếu theo chiều rộng sang mô hình tăng trưởng theo chiều sâu trên cơ sở áp dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao và kỹ năng quản lý hiện đại.

Bài viết nhằm khái quát chung mô hình tăng trưởng kinh tế trong nông nghiệp; nêu rõ sự cần thiết chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế trong nông nghiệp và mạnh dạn đề xuất một số giải pháp để chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế trong nông nghiệp từ chủ yếu theo chiều rộng sang chiều sâu. Để làm rõ nội dung trên, tác giả đã sử dụng những tư liệu thứ cấp kết hợp với phương pháp thống kê, khảo sát, để tổng hợp, phân tích, so sánh, đánh giá bản chất mô hình tăng trưởng kinh tế trong nông nghiệp theo chiều rộng, và sự cần thiết chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế trong nông nghiệp; từ đó nêu lên giải pháp để chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế trong nông nghiệp từ chủ yếu theo chiều rộng sang chiều sâu.

Từ khoá: Mô hình tăng trưởng kinh tế trong nông nghiệp; tăng trưởng theo chiều rộng; tăng trưởng theo chiều sâu; chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

1. Khái quát chung về mô hình tăng trưởng kinh tế trong nông nghiệp

Về lịch sử, thuật ngữ tăng trưởng và mô hình tăng trưởng đã xuất hiện từ những thập niên đầu thế kỷ XX, được sử dụng nhiều từ sự phát triển lý thuyết của J.M.Keynes- Lý thuyết về sự can thiệp và điều chỉnh kinh tế vĩ mô của Nhà nước.

Ngày nay, hầu hết các nhà kinh tế đều thống nhất với nhau rằng “Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng thu nhập hay sản lượng được tính cho toàn bộ nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định (thường là một năm)”. Tăng trưởng kinh tế được xem xét dưới góc độ số lượng và chất lượng.

Tăng trưởng trong nông nghiệp được hiểu là sự gia tăng thu nhập hay sản lượng nông nghiệp tính cho toàn bộ nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định (thường là một năm). Tăng trưởng kinh tế trong nông nghiệp cũng được xem xét dưới góc độ số lượng và chất lượng của tăng trưởng.

Mặt số lượng của tăng trưởng nông nghiệp được thể hiện ngay trong khái niệm về tăng trưởng đã nói

ở trên và được phản ánh thông qua các chỉ tiêu đánh giá quy mô và tốc độ tăng trưởng thu nhập. Đứng trên góc độ toàn nền kinh tế, thu nhập thường được thể hiện dưới dạng giá trị: tổng giá trị thu nhập hoặc thu nhập bình quân đầu người. Các chỉ tiêu giá trị phản ánh tăng trưởng theo hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) bao gồm: tổng giá trị sản xuất (GO); tổng sản phẩm quốc nội (GDP); tổng thu nhập quốc dân (GNI); thu nhập quốc dân (NI); thu nhập được quyền chi (GDI); trong đó GDP thường là chỉ tiêu quan trọng nhất. Mặt lượng của tăng trưởng nông nghiệp thể hiện ở quy mô và tốc độ tăng trưởng của các chỉ tiêu giá trị nói trên.

Hiện nay, có nhiều cách hiểu khác nhau về chất lượng tăng trưởng trong nông nghiệp. Theo cách hiểu hẹp, chất lượng tăng trưởng nông nghiệp có thể chỉ được giới hạn ở một khía cạnh nào đó, ví dụ như chất lượng đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp. Nhìn ở góc độ rộng hơn, chất lượng tăng trưởng nông nghiệp có thể được xem như bao gồm các nội dung của phát triển bền vững; trong đó chú trọng tới cả ba khía cạnh: kinh tế, xã hội và môi trường của quá

trình tăng trưởng và phát triển. Chất lượng tăng trưởng nông nghiệp cao cần phải bao gồm: nền nông nghiệp phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, thể hiện qua năng suất lao động xã hội, năng suất nhân tố tổng hợp tăng và ổn định, cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch phù hợp với từng thời kỳ phát triển, nền nông nghiệp có tính cạnh tranh cao, mức sống của người dân không ngừng tăng lên, tăng trưởng nông nghiệp đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, và quản lý kinh tế của nhà nước có hiệu quả.

Khi nghiên cứu quá trình tăng trưởng nông nghiệp, cần xem xét một cách đầy đủ hai mặt số lượng và chất lượng của tăng trưởng nông nghiệp trong mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tốc độ tăng trưởng phản ánh mặt bên ngoài của quá trình tăng trưởng, thể hiện ở mức độ, số lượng lớn nhỏ, tốc độ nhanh hay chậm của việc mở rộng quy mô. Chất lượng tăng trưởng là khái niệm phản ánh nội dung bên trong của quá trình tăng trưởng, biểu hiện ở phương tiện, phương thức, mục tiêu và hiệu ứng đối với môi trường chứa đựng quá trình tăng trưởng ấy.

Có thể tổng kết ba mô hình tăng trưởng kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp thể hiện mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng tăng trưởng như sau:

Mô hình 1: Tăng trưởng không ổn định, quy mô của nền sản xuất nông nghiệp được mở rộng trong thời kỳ tăng trưởng nhanh; nhưng tại những thời kỳ khác, tăng trưởng nông nghiệp lại thấp và nền sản xuất nông nghiệp bị suy giảm, trì trệ.

Mô hình 2: Tăng trưởng nhanh, nhưng phải trả giá bằng những tổn thất to lớn về tài nguyên, môi trường.

Mô hình 3: Tăng trưởng bền vững nhờ nguồn tích lũy từ các loại vốn tăng lên theo thời gian một cách cân đối. Chính phủ tập trung đầu tư nhiều hơn cho khu vực kinh tế công cộng như giáo dục, y tế và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường. Nguồn vốn của tư nhân cũng không bị giảm sút, kể cả vốn vật chất và vốn nhân lực. Vốn nhân lực được tiếp sức có giá trị tăng cao hơn, tạo điều kiện đổi mới công nghệ và tăng năng suất nhân tố tổng hợp.

Lựa chọn mô hình tăng trưởng nông nghiệp là công việc hết sức quan trọng, vì vậy khi lựa chọn mô hình cần phải xem xét đồng thời các chỉ tiêu số lượng và chất lượng tăng trưởng bởi vì mối quan hệ giữa chúng là rất chặt chẽ.

2. Sự cần thiết chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế trong nông nghiệp

2.1. Bản chất mô hình tăng trưởng nông nghiệp giai đoạn 2001- 2010 của Việt Nam vẫn là mô hình

tăng trưởng chất lượng thấp và kém hiệu quả

Mặc dù đã đạt được những thành tựu quan trọng trong thời gian qua, nhưng mô hình tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng trong nông nghiệp của Việt Nam vẫn mang bệch lộ những hạn chế và những nguy cơ tiềm ẩn sau đây:

Một là: *Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp tuy cao nhưng có xu hướng chậm lại; đầu tư cho nông nghiệp còn nhiều hạn chế*

Theo Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng nông nghiệp bình quân giai đoạn 2006-2010 đạt 3,36%/năm, vượt mức mục tiêu 3- 3,2%/năm của Đại hội Đảng X đề ra và kế hoạch 5 năm của ngành. Giá trị sản xuất toàn ngành bình quân tăng 4,93%/năm (mục tiêu kế hoạch là 4,5%) trong giai đoạn 2006- 2010. Tuy nhiên, nông nghiệp Việt Nam đang có xu hướng tăng trưởng chậm lại khi giai đoạn từ 1990- 2000 đạt 4%, đến 2001- 2005 giảm còn 3,83% và 2006-2010 chỉ còn 3,36%.

Hơn nữa, nguồn vốn từ ngân sách nhà nước dành cho nông nghiệp rất thấp và ngày càng giảm dần. Năm 2000 tỷ lệ đầu tư trong nông nghiệp là 12%; năm 2010 tỷ lệ này chỉ còn là 8%. Bên cạnh đó, trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, vẫn còn tình trạng đầu tư dàn trải, kéo dài, hiệu quả đồng vốn chưa cao và cơ cấu đầu tư chưa hợp lý. Những năm qua khoa học kỹ thuật đóng vai trò then chốt giúp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa nông nghiệp. Tuy nhiên, vấn đề này chưa được đầu tư, quan tâm tương xứng. Hệ quả là người nông dân Việt Nam chịu tổn thất sau thu hoạch còn khá lớn. Cụ thể, trong những năm vừa qua, ở vùng miền núi phía Bắc, tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch với cây ngô đến 35%, cây đỗ tương trên 50%. Với cây lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long, tổn thất sau thu hoạch cũng lên tới 15%. Riêng tại Bắc Giang, tổn thất sau thu hoạch của vải thiều Lục Ngạn cũng không hề nhỏ với điệp khúc “được mùa, rớt giá” gây thiệt hại lớn cho người dân. Xét trên bình diện quốc gia, Nhà nước vẫn thiếu những chính sách mang tính đột phá cho sự phát triển như chính sách khoa học- công nghệ thúc đẩy thị trường chế biến nông sản để tăng hiệu quả, năng suất, giá trị hàng hóa nhằm tăng tính cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Điều này đã dẫn đến chỗ sự phát triển nông nghiệp giai đoạn vừa qua mặc dù đã đạt được những thành tựu to lớn nhưng chưa thực sự vững chắc, tính cạnh tranh chưa cao. Đây là sự lãng phí lớn, không những làm tụt năng suất mà làm giảm thu nhập của nông dân nói riêng và ngành nông nghiệp đất nước nói chung.

Hai là: *Chất lượng sản phẩm nông nghiệp chưa đạt yêu cầu và sức cạnh tranh thấp trên trường quốc tế*

Theo số liệu từ Cục Quản lý chất lượng nông - lâm - thủy sản và nghề muối (Bộ NN&PTNT), qua kiểm tra, từ giữa năm 2011 đã phát hiện 38% cơ sở giết mổ không đảm bảo chất lượng; 59% cơ sở chế biến rau quả không đạt yêu cầu. Bên cạnh đó, có đến 27% cơ sở thuốc thú y, 15,6% cơ sở thuốc bảo vệ thực vật và 17,6% cơ sở thức ăn chăn nuôi không theo quy định.

Theo thống kê của Tổ chức Y tế thế giới, trung bình Việt Nam có 10% số dân bị ngộ độc từ thực phẩm hàng năm. Đó là chưa tính những trường hợp nhiễm bệnh do ăn phải thực phẩm được chế biến từ “công nghệ bản” mà không hề hay biết. Hầu hết các trường hợp trái quy định vệ sinh an toàn thực phẩm tại Việt Nam đều bị xử lý với mức độ chưa mang tính răn đe cao, chỉ dừng ở mức hành chính và tịch thu sản phẩm. Bên cạnh đó, tổ chức quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm của Việt Nam còn chưa chặt chẽ. Cụ thể, 3 bộ: Y tế, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chỉ chịu trách nhiệm quản lý, giám sát, kiểm tra và cấp giấy chứng nhận ở khâu sản xuất và chế biến. Điều này là kẽ hở để hàng hóa ngoại lai kém chất lượng tràn vào thị trường nội địa. Thậm chí, cơ chế quản lý vẫn còn dừng ở mức thụ động. Hàng thực phẩm nhập khẩu dễ dàng qua mọi cửa kiểm soát, đến tay người tiêu dùng. Nhưng khi phát hiện ra sự độc hại như: sữa độc, thực phẩm nhiễm hóa chất, táo độc... thì cơ quan trong nước mới đi kiểm tra.

Mặt khác, mặc dù sản phẩm hàng hóa nông nghiệp Việt Nam có những tiến bộ trong chiếm lĩnh thị trường xuất khẩu quốc tế, nhưng sản phẩm nông nghiệp của nước ta về cơ bản chưa có tính cạnh tranh cao, việc xây dựng thương hiệu sản phẩm nông sản, nhất là gạo, thủy sản, cà phê chưa được chú trọng. Những thương hiệu như cà phê Trung Nguyên, Xoài cát Hòa Lộc... còn quá ít so với số lượng sản phẩm hàng hóa, khiến cho sản phẩm khi xuất khẩu không bán được giá cao, thậm chí còn bị ép giá. Đơn cử như mặt hàng gạo xuất khẩu, chất lượng gạo của chúng ta không thua kém Thái Lan nhưng do khâu làm thương hiệu chưa tốt nên gạo của Việt Nam luôn bị giới thương gia quốc tế định giá thấp hơn gạo Thái Lan 100- 150 USD/tấn, không chỉ khiến nông dân thiệt thòi mà các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam cũng bị ảnh hưởng.

Ba là: *Hiệu quả tăng trưởng thấp và khả năng không duy trì được tốc độ tăng trưởng cao trong tương lai*

Nếu tính bằng giá so sánh thì tốc độ tăng năng suất lao động từ năm 1991-2010 chỉ đạt trung bình 4,55%/năm và mức tăng tuyệt đối mỗi năm là 0,32

triệu VNĐ/lao động làm việc. Đáng lưu ý là tốc độ tăng năng suất lao động có xu hướng giảm dần: từ 5,7%/năm giai đoạn 1991-1995 xuống 4,51%/năm giai đoạn 1996-2000; 4,48%/năm giai đoạn 2001-2005 xuống chỉ còn 3,51%/năm giai đoạn 2006-2010. Khi năng suất lao động thấp và tăng chậm sẽ tác động không tốt tới tăng trưởng và còn chứng tỏ giá trị thặng dư được tạo ra thấp, ảnh hưởng tới tích lũy tái đầu tư để tái sản xuất mở rộng cũng như nâng cao mức sống của người dân.

Bình quân trong thời kỳ 1991-2000, trong nhóm ngành nông- lâm nghiệp- thủy sản, tốc độ tăng trưởng của giá trị gia tăng (3,9%/năm) chỉ bằng 2/3 tốc độ tăng giá trị sản xuất (5,8%/năm). Hơn nữa, trong khi chênh lệch về tốc độ tăng trưởng giữa giá trị sản xuất và giá trị gia tăng của nhóm ngành này có xu hướng giảm từ 2,3%/năm trong giai đoạn 1996- 2000 xuống còn 1,7%/năm trong giai đoạn 2006-2010 (Bảng 1).

Bên cạnh đó, kim ngạch xuất khẩu nông sản năm 2011 tăng mạnh, chủ yếu do đơn giá của nhiều mặt hàng trên thị trường thế giới tăng, trong đó giá hạt tiêu tăng 65%; giá hạt điều tăng 42%; giá cà phê tăng 44%; giá cao su tăng 29%; giá gạo tăng 9%... Kết quả là tăng giá đóng góp trên 70% cho xuất khẩu nông sản của Việt Nam trong năm 2011. Theo thông tin từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA), tính chung trong 6 tháng đầu năm 2012, Việt Nam đã xuất khẩu 3.414 tấn gạo, trị giá đạt 1,57 tỷ USD. Như vậy, xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm nay đã giảm mạnh cả về lượng lẫn giá trị. Cùng kỳ năm 2011, Việt Nam xuất khẩu 4,03 triệu tấn gạo, trị giá gần 1,98 tỷ USD. Theo dự báo của các tổ chức nghiên cứu thị trường nông sản hàng đầu như FAO, và World Bank, giá thị trường thế giới của các mặt hàng nông sản xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam như gạo, cà phê, cao su, chè, tiêu, điều có xu hướng giảm trung bình khoảng 1,3- 1,5%/năm từ nay đến 2020. Với tình hình thị trường như trên, khả năng xuất khẩu của các nông sản chủ lực có khả năng giảm hoặc tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sẽ chậm lại.

Trung tâm Tư vấn Chính sách Nông nghiệp (IPSARD) dự báo, đến năm 2020, khối lượng xuất khẩu các mặt hàng nông sản của Việt Nam sẽ giảm. Chẳng hạn, khối lượng gạo xuất khẩu có khả năng suy giảm trung bình 1,1%/năm, cà phê giảm 1%/năm, chè giảm 3,9%/năm, tiêu và điều tăng nhẹ ở mức 2-3%/năm. Chỉ có các mặt hàng như cao su và thủy sản vẫn còn nhiều khả năng tăng lượng xuất khẩu, cụ thể cao su tăng ở mức trung bình 3,9%/năm, cá ở mức 5,2%/năm và tôm ở mức

Bảng 1: Chênh lệch tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất và giá trị gia tăng của ngành nông-lâm - thủy sản theo từng giai đoạn

Đơn vị: %

Ngành Nông lâm thủy sản			
Giai đoạn	GO	GDP	Chênh lệch
1991-1995	6.1	4.1	2
1996-2000	6.7	4.4	2.3
2001-2005	5.4	3.8	1.6
2006-2010	5	3.3	1.7

Nguồn: Tổng hợp từ GSO (2003,2010,2011)

3,2%/năm. Trong khi đó, Việt Nam có thể tăng mạnh nhập khẩu các sản phẩm thịt do nguồn cung trong nước khó có thể đáp ứng được nhu cầu ngày một tăng cao. Cụ thể, lượng nhập khẩu thịt lợn tăng trung bình 8,6%/năm, thịt bò 9,6%/năm và thịt gia cầm 15,4%/năm. Đến năm 2020, nhập khẩu thịt bò và thịt gia cầm có thể chiếm tới 20-25% tổng cung trong nước.

Tóm lại, trong tương lai gần nông nghiệp Việt Nam rất khó tiếp tục duy trì thành tích tăng trưởng ấn tượng về sản lượng và xuất khẩu nếu không có những bước đột phá về khoa học công nghệ, tổ chức chuỗi cung ứng và nâng cao chất lượng sản phẩm. Nếu chỉ tiếp tục tăng trưởng nông nghiệp dựa trên khai thác tài nguyên và các đầu vào giá rẻ, nông nghiệp Việt Nam không thể tiếp tục duy trì vai trò nền tảng cho tăng trưởng kinh tế cũng như là bệ đỡ cho đời sống của người dân nông thôn, đặc biệt là các nhóm nghèo.

Bốn là: *Mức sống, mức thu nhập thực của người nông dân chưa tương xứng với quá trình tăng trưởng trong nông nghiệp*

Mặc dù nông nghiệp đạt mức tăng trưởng ấn tượng trong năm 2011 nhưng tình hình phát triển nông thôn có chiều hướng chững lại dưới tác động của suy thoái kinh tế và lạm phát cao. Đồng thời, giá cả hàng hóa tăng cao cùng với thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên cây trồng, vật nuôi đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và đời sống của cư dân nông thôn. Thu nhập từ sản xuất nông-lâm-thủy sản còn chiếm một tỷ trọng khá khiêm tốn trong tổng thu nhập của các hộ gia đình. Năm 2008, thu nhập từ sản xuất nông-lâm-thủy sản chỉ chiếm 24% trong tổng thu nhập của các hộ gia đình Việt Nam.

Kết quả từ cuộc Điều tra mức sống hộ gia đình mới nhất năm 2010 cho thấy, khoảng cách thu nhập giữa thành thị- nông thôn vẫn ở mức trên 2 lần (thu nhập bình quân một nhân khẩu theo tháng ở thành thị là 2.129 nghìn đồng, ở nông thôn là 1.070,5

nghìn đồng), và tỷ lệ nghèo ở khu vực nông thôn (17,4%) cao gấp trên 2 lần so với khu vực thành thị (6,9%). Điểm đáng lưu ý là tốc độ giảm nghèo đang có xu hướng chậm lại, đặc biệt tại khu vực nông thôn (Hình 2).

Hơn nữa, mặc dù xuất khẩu nông sản đạt kim ngạch cao, đặc biệt là mặt hàng gạo và thủy sản, nhưng giá trị thặng dư không lớn, dẫn đến đời sống của nông dân chưa được nâng cao đáng kể.

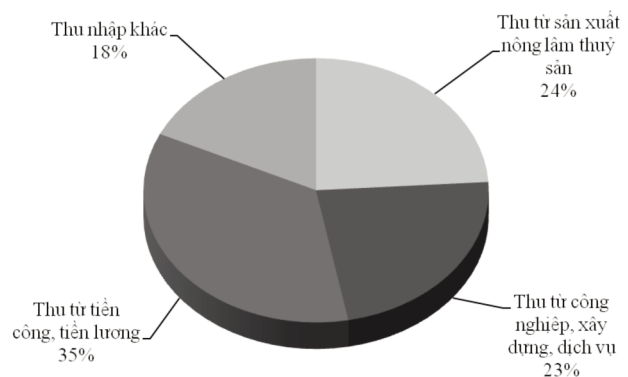
Mặt khác, trong năm 2012, kinh tế thế giới tiếp tục biến động rất phức tạp, suy thoái kinh tế kéo dài sẽ làm suy giảm nhu cầu của các nước nhập khẩu nông sản. Giá xuất khẩu nông sản bắt đầu tăng mạnh từ nửa cuối năm 2010 và lên đến đỉnh điểm trong năm 2011, vì vậy trong năm tới sẽ khó để duy trì mức giá cao như năm cũ. Hơn nữa, với tăng trưởng dựa trên số lượng như thời gian qua thì sức ép lạm phát lên nền kinh tế là khó tránh khỏi. Trong những năm tới, nền kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi, nền sản xuất sẽ tăng lên, giá nguyên nhiên vật liệu cũng tăng. Trong khi đó, Việt Nam là nước phải nhập khẩu tới trên 80% nguyên nhiên vật liệu để sản xuất ra hàng hoá, việc tăng giá nguyên nhiên vật liệu trên thế giới chắc chắn sẽ tác động mạnh mẽ đến việc tăng giá tại Việt Nam. Điều đó đồng nghĩa với việc, nếu chúng ta càng dốc sức vào tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng thì mức sống, mức thu nhập thực của người dân có thể bị ảnh hưởng nặng nề.

Năm là: *Nguy cơ cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường*

Tăng trưởng nông nghiệp Việt Nam hiện nay nghiêng nhiều về số lượng hơn là chất lượng, nghiêng về chiều rộng hơn là chiều sâu. Ngay cả trong tăng trưởng theo chiều rộng thì sự tăng trưởng

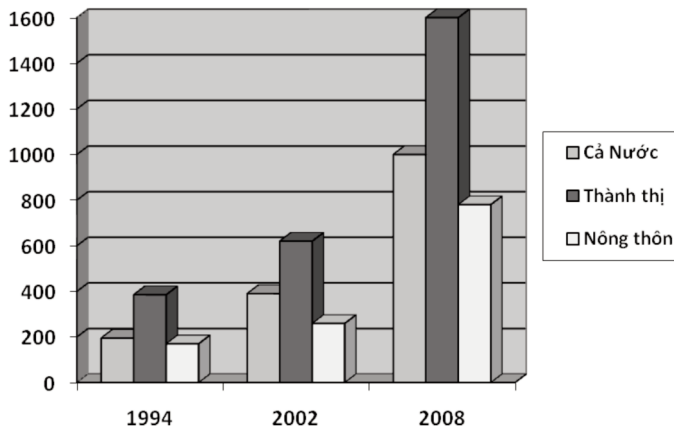
Hình 1: Cơ cấu thu nhập của các hộ gia đình Việt Nam

Cơ cấu thu nhập của các hộ gia đình Việt Nam Năm 2008



Nguồn: Tổng hợp từ GSO (2004, 2010)

Hình 2: Chênh lệch về thu nhập giữa thành thị và nông thôn



Nguồn: Tổng hợp từ GSO (2004, 2010)

nông nghiệp cũng nghiêng nhiều về yếu tố vốn hơn là yếu tố lao động (tỷ trọng đóng góp của vốn cao gấp 3 lần tỷ trọng đóng góp của yếu tố lao động). Từ năm 1997 đến 2009, tỷ trọng đóng góp vào tốc độ tăng trưởng GDP của yếu tố vốn đã tăng từ 32,4% lên tới 84,1%; trong khi đó của yếu tố lao động chỉ tăng từ 18,9% lên 28,5%; của yếu tố năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) giảm từ 48,6% xuống còn 12,6%. Trong khi đó, vốn vật chất là yếu tố nước ta còn thiếu, còn lao động là yếu tố chưa được khai thác hiệu quả. Nếu kéo dài tình trạng này, phát triển nông nghiệp của Việt Nam sẽ không bền vững, chất lượng tăng trưởng không được cải thiện và sẽ kìm hãm tốc độ tăng trưởng.

Hơn nữa, với mỗi quốc gia nguồn lợi từ tự nhiên mang lại không bao giờ được coi là vô tận. Việc lạm dụng những nguồn lợi tự nhiên với việc khai thác quá mức các nguồn tài nguyên thiên nhiên, không những chỉ dẫn đến sự mất cân bằng sinh thái ngay ở thời điểm hiện tại, mà còn làm cạn kiệt khả năng phát triển của các thế hệ tương lai. Bên cạnh đó, nông sản cũng là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nước ta. Tuy nhiên, khả năng tăng khối lượng xuất khẩu cũng đang gặp phải thách thức lớn khi hầu hết các cây trồng đã phát triển đến ngưỡng cả về diện tích và năng suất. Diện tích canh tác của phần lớn các sản phẩm nông sản xuất khẩu chính đều đã vượt hoặc đến ngưỡng so với quy hoạch đến năm 2020.

Việt Nam thuộc nhóm các nước đang phát triển với tốc độ tăng trưởng kinh tế khá nhanh. Cũng như phần lớn các nước trên thế giới, nước ta đang phải dựa chủ yếu vào việc khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên với cường độ cao để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trong khi đó, trình độ

công nghiệp còn lạc hậu, chậm đổi mới nên tỷ lệ tiêu tốn năng lượng, nước, nguyên vật liệu trên một đơn vị sản phẩm vẫn còn ở mức khá cao. Bên cạnh đó, tình trạng suy kiệt nguồn nước đang diễn ra, nhiều loại khoáng sản đang dần dần bị cạn kiệt. Đa dạng sinh học bị suy giảm và môi trường tiếp tục bị xuống cấp trong khi các thảm họa do thiên tai và những diễn biến về thay đổi khí hậu toàn cầu đang diễn ra phức tạp với tần suất và mức độ tàn phá ngày càng tăng nhanh. Trong một thời gian dài, chất lượng tăng trưởng kinh tế còn thấp, hiệu quả kinh tế không cao. Biến đổi khí hậu đang trở thành một thách thức lớn đối với Việt Nam trong thế kỷ 21. Trong quá trình phát triển, việc quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên chưa hợp lý, lãng phí nhiều đã làm cho môi trường ở nhiều nơi tiếp tục bị xuống cấp, một số nơi đã đến mức báo động. Tình trạng đó dẫn đến hậu quả ô nhiễm không khí, nguồn nước, suy thoái đất... ảnh hưởng xấu đến mục tiêu phát triển bền vững của đất nước.

2.2. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế trong nông nghiệp đảm bảo chất lượng tăng trưởng và phát triển bền vững

Sản xuất nông nghiệp là ngành phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố thời tiết, thiên tai, dịch bệnh. Trong thời gian qua, ngành nông nghiệp đã triển khai nhiều biện pháp để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, nhờ đó, tỷ trọng xuất khẩu từ sản phẩm nông nghiệp tăng trưởng cao, một số sản phẩm đã đứng hàng đầu trong xuất khẩu trên thị trường thế giới. Đặc biệt, trong giai đoạn 2006-2010, nông nghiệp tiếp tục phát triển với nhịp độ khá cao theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; an ninh lương thực được đảm bảo. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ, áp dụng khoa học kỹ thuật còn thấp, hiệu quả kinh tế chưa cao, sức cạnh tranh thấp, chất lượng nông sản còn thấp, tình trạng sử dụng quá mức các chất kích thích tăng trọng, thuốc trừ sâu, phân bón, và vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm.

Đã đến lúc, nếu không nâng cao chất lượng tăng trưởng nông nghiệp, phát triển theo chiều sâu thì việc tăng trưởng với tốc độ như cũ cũng sẽ khó đạt được. Tăng trưởng theo chiều sâu là tăng trưởng với sự đóng góp quan trọng của yếu tố năng suất tổng hợp. Năng suất tổng hợp bao gồm sự tích hợp tác động của hiệu quả đầu tư, của năng suất lao động, trong đó khoa học- công nghệ là động lực, đào tạo lao động trong lĩnh vực nông nghiệp là nội dung quan trọng.

Mô hình tăng trưởng nông nghiệp theo chiều sâu chú trọng các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có hàm lượng công nghệ, tri thức ngày càng lớn. Đó là mô hình tăng trưởng dựa nhiều vào tăng năng suất lao động với nguồn nhân lực có kỹ năng thay vì dựa nhiều vào đất đai, tài nguyên và lao động giản đơn; sẽ là sự đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư thay vì dựa nhiều vào tăng trưởng tín dụng; sẽ là tăng trưởng dựa vào tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia, không ngừng cải thiện môi trường kinh doanh nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng của thị trường trong nước và thị trường quốc tế thay vì vẫn còn ỷ lại vào cơ chế tập trung, bao cấp; sẽ là mô hình tăng trưởng dựa vào một nhà nước quản lý hiệu quả và kiến tạo phát triển thay vì Nhà nước làm thay thị trường hay thị trường lấn át Nhà nước.

Tuy nhiên, một cơ cấu nông nghiệp hợp lý, hiệu quả, một mô hình tăng trưởng năng động, bền vững không thể xây dựng trong một sớm, một chiều. Đó là một quá trình tích lũy những nhân tố tăng trưởng mới, tạo lập vững chắc các nền tảng về thể chế, khoa học- công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời vẫn phải giải quyết tốt các vấn đề xã hội, đặc biệt là vấn đề việc làm, xóa đói giảm nghèo, vấn đề nông thôn - nông nghiệp - nông dân, bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, trật tự, an toàn xã hội.

3. Một số giải pháp để chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế trong nông nghiệp từ chủ yếu theo chiều rộng sang chiều sâu

3.1. Tái cấu trúc cơ cấu ngành và đầu tư trong nông nghiệp:

Một trong những mục tiêu phát triển sản xuất ngành nông nghiệp trong thời kỳ 2011– 2020 sẽ cơ cấu ngành nông lâm thủy sản, trong đó, nông nghiệp chiếm 64,7%, lâm nghiệp chiếm 2%, thủy sản chiếm 33,3%; tốc độ tăng trưởng nông lâm thủy sản bình quân từ 3,5- 4%/năm... Tầm nhìn năm 2030 cũng đặt mục tiêu đối với cơ cấu ngành nông lâm thủy sản trong đó, nông nghiệp chiếm 55%, lâm nghiệp chiếm 1,5%, thủy sản chiếm 43,5%; Tốc độ tăng trưởng GDP nông lâm thủy sản bình quân từ 3- 3,2%/năm; Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông lâm thủy sản 4- 4,3%/năm.

Tái cấu trúc và nâng cao hiệu quả đầu tư trong nông nghiệp cần tập trung vào những vấn đề chủ yếu sau:

Một là: Tái cấu trúc đầu tư trong nông nghiệp theo lĩnh vực: giảm dần đầu tư của Nhà nước vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh và tăng đầu tư cho các lĩnh vực phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và chăm lo phúc lợi cho nhân dân.

Hai là: Tái cấu trúc đầu tư nông nghiệp theo

ngành: tập trung cho một số ít ngành trọng điểm, chấm dứt việc đầu tư dàn trải, phân tán; đồng thời sử dụng đầu tư công trong nông nghiệp như một công cụ hữu hiệu đảm bảo sự phát triển hợp lý giữa đô thị và nông thôn, giữa các vùng và nhóm xã hội.

Ba là: Hoàn thiện hệ thống luật pháp và đổi mới cơ chế quản lý đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đầu tư.

Để thực hiện mô hình tăng trưởng với cơ cấu nông nghiệp hiệu quả, trong giai đoạn 2011- 2020, chúng ta hướng tới những giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất: Lựa chọn và hình thành danh mục các sản phẩm mũi nhọn. Để thực hiện mô hình tăng trưởng hiệu quả và bền vững, cần đẩy mạnh việc sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm nông lâm thủy sản có quy mô lớn, giá trị kinh tế và chất lượng cao.

Thứ hai: Tái cấu trúc cơ cấu hàng hoá xuất khẩu theo hướng nâng cao hiệu quả.

Để nâng cao hiệu quả và sự bền vững của xuất khẩu hàng hoá nông nghiệp cần phải: tập trung vào nghiên cứu và áp dụng giống mới, giống tốt có năng suất và phẩm chất tốt; nghiên cứu và áp dụng công nghệ mới, công nghệ sạch trong trồng trọt, chăn nuôi, đặc biệt là công nghệ sau thu hoạch nhằm bảo quản tốt nông sản và nâng cao chất lượng sản phẩm; xây dựng chiến lược thị trường xuất khẩu, đa dạng hoá thị trường, bảo đảm thị trường lâu dài, có quy mô thích hợp; xây dựng hệ thống thông tin, dự báo sự biến động giá trên thị trường, xây dựng các trung tâm xúc tiến thương mại đối với từng loại mặt hàng; tổ chức tốt các hiệp hội xuất khẩu ngành hàng trong nước và tham gia tích cực, có kỷ luật trong các hiệp hội ngành hàng quốc tế về xuất khẩu sản phẩm thô để chủ động về giá cả và ổn định thu nhập.

3.2. Quy hoạch, sắp xếp, tổ chức lại các vùng kinh tế nông nghiệp trọng điểm

Tại Nghị quyết số 26- NQ/TW ngày 5/8/2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn khẳng định: “Đẩy nhanh tiến độ quy hoạch sản xuất nông nghiệp trên cơ sở nhu cầu thị trường và lợi thế từng vùng, sử dụng đất nông nghiệp tiết kiệm, có hiệu quả, duy trì diện tích đất lúa đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, gắn với chế biến và thị trường...”

Có thể nói, việc quy hoạch sản xuất nông nghiệp là việc làm cần thiết không chỉ để thoát khỏi những hạn chế như sản xuất nông nghiệp manh mún, nhỏ lẻ, áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến chưa nhiều, cơ giới hóa đạt thấp trước yêu cầu của thực tế, mà

còn góp phần xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững.

Trước thực tế này, mới đây, ngày 2/2/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 124/QĐ-TTg, phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030. Với mục tiêu chung là: Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh; áp dụng khoa học công nghệ để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài, đáp ứng nhu cầu đa dạng trong nước và xuất khẩu; nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, nguồn nước, lao động và nguồn vốn; nâng cao thu nhập và đời sống của nông dân, ngư dân, diêm dân và người làm rừng.

Các chính sách tạo điều kiện để hình thành và củng cố lợi thế cạnh tranh của vùng cần được nhấn mạnh nhiều hơn, cụ thể là các chính sách phân cấp chủ động khai thác, huy động và quản lý nguồn lực của các địa phương trong các vùng trọng điểm; chính sách tạo môi trường đầu tư đối với các nhà đầu tư; chính sách di dân tự do đến vùng trọng điểm; chính sách khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh, chính sách thị trường, tiêu thụ hàng hoá; chính sách phát triển nguồn nhân lực, công nghệ, kỹ thuật và phát triển cơ sở hạ tầng liên kết trong vùng nông nghiệp trọng điểm.

3.3. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực nông nghiệp

Mô hình tăng trưởng theo chiều sâu đòi hỏi phải áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động. Vì vậy, cần phải chuẩn bị trước một lực lượng lớn lao động có kỹ năng cao và kỷ luật lao động tốt. Muốn vậy, cần phải đào tạo đón đầu, chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp của người lao động phục vụ cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển đội ngũ lao động lành nghề, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế có trình độ cao, có khả năng nắm bắt được sự thay đổi nhanh chóng của sự phát triển khoa học công nghệ.

Trong lĩnh vực đào tạo, dạy nghề cần tập trung đào tạo những kỹ năng, chuyên môn dựa trên nhu cầu thực tế của địa phương thông qua hình thức tự đào tạo, tăng cường liên kết đào tạo giữa các doanh nghiệp và cơ sở đào tạo. Tự đào tạo là việc phát triển các mô hình dạy nghề tại cộng đồng như người làm ăn giỏi dạy người chưa biết cách làm ăn, mở rộng các hình thức câu lạc bộ chia sẻ kinh nghiệm, nhóm đồng đẳng tương trợ lẫn nhau... Nhà nước,

đặc biệt là chính quyền cơ sở có thể tạo điều kiện hỗ trợ về cơ sở vật chất, một phần kinh phí hoặc cung cấp thông tin, tuyên truyền, quảng bá để phát triển các hình thức cộng đồng dạy nghề.

Bên cạnh đó, cần đổi mới toàn diện hệ thống các trung tâm dạy nghề tại địa phương từ tư duy đào tạo đến phương thức quản lý và chương trình đào tạo dạy nghề. Việc dạy nghề cần phải xuất phát từ nhu cầu sử dụng lao động và khả năng mở mang ngành nghề thực tế tại địa phương chứ không phải một chương trình soạn sẵn hoặc áp đặt từ trên xuống một cách duy ý chí. Đồng thời, cần chú trọng tới việc rèn luyện ý thức, kỷ luật lao động cho người lao động.

3.4. Giảm tăng trưởng với sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên, chống ô nhiễm môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu:

Tăng cường phát triển khoa học kỹ thuật cao nhằm tận dụng các nguồn tài nguyên một cách khoa học, hợp lý, tổng hợp và có hiệu suất cao. Các kỹ thuật cao ngày nay hướng tới coi trọng hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm thiểu chi phí; giảm phát thải; phát triển nguyên liệu mới thay thế cho nguyên liệu truyền thống đang dần cạn kiệt.

Phát triển kinh tế xanh, nghiên cứu thực hiện mô hình tăng trưởng các bon thấp. Khuyến khích sản xuất và tiêu dùng bền vững, kết hợp các công vụ và biện pháp kinh tế, tài chính, tuyên truyền, tư vấn, hướng dẫn để hình thành lối sống thân thiện với môi trường, thực hiện các mô hình sản xuất, tiêu dùng bền vững, tiết kiệm, có hiệu quả về tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Cải tiến cơ cấu ngành nghề theo hướng hiện đại, công nghệ cao, công nghệ sạch, tiêu tốn ít năng lượng. Ứng dụng công nghệ tiên tiến như công nghệ sinh học, công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường đồng thời tăng cường đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp; thực hiện các chương trình cải tạo giống cây, giống con; giảm hẳn sử dụng các hoá chất độc hại; đảm bảo chất lượng và độ an toàn cao cho sản xuất nông sản.

3.5. Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm

Việc nghiên cứu, triển khai các tiến bộ của khoa học công nghệ nhằm tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả chế biến tiêu thụ nông sản là yêu cầu cấp bách và tập trung vào những điểm chủ yếu sau:

Một là: Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về vai trò của khoa học công nghệ; về yêu cầu của an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường sinh thái.

Hai là: Có những chính sách khuyến khích người dân sử dụng các công nghệ an toàn cho sản phẩm nông nghiệp và môi trường như: sử dụng thuốc trừ sâu thảo mộc, các loại giống kháng sâu bệnh, các loại phân vi sinh, phân tự chế bằng các chất hữu cơ... thông qua việc cho vay ưu đãi, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

Ba là: Tăng cường vai trò của các tổ chức khuyến nông trong việc triển khai các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp. Việc làm này nhằm tạo điều kiện giới thiệu và giám sát chất lượng sản phẩm trong tiêu thụ theo hướng gắn quyền lợi và trách nhiệm của mỗi bên đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Bốn là: Tăng tiềm lực về vật chất và nhân lực cùng với các cơ chế chính sách cho các trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ để có cơ sở tiếp nhận và nhân giống cây trồng vật nuôi có chất lượng tốt, hiệu quả kinh tế cao, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

Năm là: Tạo điều kiện mở rộng mối liên kết và phát huy vai trò của các tổ chức quốc tế trong việc xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái; đồng thời tăng cường việc chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp.

3.6. Quản lý thị trường nông sản

Tổ chức tốt thị trường là một trong những nội dung quan trọng nhằm nâng cao tính cạnh tranh của sản xuất nông nghiệp đồng thời là một trong những giải pháp tác động tích cực tới chuyển đổi mô hình tăng trưởng sản xuất nông nghiệp từ chiều rộng sang chiều sâu. Hiện nay, vấn đề thị trường đang cần được tập trung giải quyết từ lập lại trật tự trong tiêu

thụ nông sản đến mở rộng thị trường thông qua hoạt động tìm kiếm thị trường mới.

Thứ nhất: Cần đảm bảo những điều kiện để các sản phẩm nông nghiệp là những sản phẩm an toàn và được tiêu thụ với giá cả hợp lý đảm bảo lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng. Quy trình sản xuất nông sản phải được thực hiện khắt khe với các yêu tố đầu vào tăng, có chất lượng và an toàn. Bên cạnh đó, cần tổ chức giới thiệu rộng rãi các sản phẩm nông nghiệp an toàn cho người tiêu dùng biết xuất xứ, nguồn gốc của sản phẩm. Người sản xuất phải xây dựng thương hiệu cho sản phẩm của mình, cần có bao gói, nhãn mác để phân biệt với những sản phẩm nông nghiệp thông thường khác. Ngoài ra, cần thực hiện trợ giá với các sản phẩm nông nghiệp an toàn có giá thành sản xuất cao để người tiêu dùng tiếp cận với các sản phẩm này khi mới đầu đưa ra tiêu thụ.

Thứ hai: Lập lại trật tự trong tiêu thụ các nông sản phẩm, trong đó, xử lý nghiêm các trường hợp sử dụng các hoá chất đã bị cấm trong sản xuất, bảo quản và chế biến nông sản. Phối hợp chặt chẽ với các tỉnh thành, địa phương trong cả nước để có giải pháp đồng bộ và có sự kiểm soát chất lượng sản phẩm ngay từ nơi sản xuất.

Thứ ba: Đối với nông sản xuất khẩu: cần nâng cao chất lượng, đảm bảo độ an toàn cao của sản phẩm và cần quy hoạch thành những vùng sản xuất chuyên môn hoá; đồng thời giải quyết tốt vấn đề thị trường như tìm kiếm thị trường mới, giới thiệu sản phẩm và thâm nhập thị trường, tổ chức các hoạt động xuất khẩu. □

Tài liệu tham khảo:

1. Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI (2011)
2. Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X
3. Nghị quyết số 26- NQ/TW ngày 5/8/2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn
4. Tổng cục thống kê (2011), *Tình hình kinh tế- xã hội năm 2010*.
5. Nguyễn Văn Nam và Trần Thọ Đạt (2006), *Tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế Việt Nam*, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân.
6. Trần Thọ Đạt (2010), *Tăng trưởng kinh tế thời kỳ đổi mới ở Việt Nam* (sách chuyên khảo), Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân.
7. Trần Thọ Đạt và Đỗ Tuyết Nhung (2005), *Các mô hình tăng trưởng kinh tế*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
8. Ts Nguyễn Đức Kiên - Phó chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế (2012), *Đề xuất mô hình tăng trưởng mới giai đoạn 2012-2020*, Báo điện tử đại biểu nhân dân.
9. Tổng cục thống kê (2011), *Niên giám thống kê tóm tắt 2010*, Nxb. Thống kê
10. PGS.TS. Đặng Văn Thắng (2012), *Quản trị quan điểm Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI về chuyển đổi mô hình kinh tế*, Tạp chí Kinh tế và phát triển.